

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA

1. Vốn chủ sở hữu: 261.220.850.764 đồng

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 6.220.850.764 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 335.576.787.305 đồng.

3. Lợi nhuận trước thuế: 25.579.136.163 đồng.

4. Lợi nhuận sau thuế: 20.736.169.215 đồng.

5. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{25.579.136.163}{261.059.717.852} = 9,80\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0980 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{20.736.169.215}{261.059.717.852} = 7,94\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0794 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{20.736.169.215}{327.018.803.842} = 6,34\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0634 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{261.006.006.881+261.006.006.881+261.006.006.881+261.220.850.764}{4} = 261.059.717.852 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{313.733.027.147+323.956.990.728+334.808.410.188+335.576.787.305}{4} = 327.018.803.842 \text{ đồng}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): Trong năm 2023, dự án đầu tư 01 hệ thống máy in offset tờ rời 2 mặt 4/4 màu đã qua sử dụng nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Nhà in TTXVN đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng là: 6.000.000.000 đồng.



2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B)
- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật và năm 2023 công ty kinh doanh có lợi nhuận.
3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không
4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:
- + Tình hình quản lý tài sản:
 - * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
 - * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.
 - * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.
 - * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.
 - + Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2023 là: 18.263.409.238 đồng.

Trong đó:

 - * *Nợ phải thu khó đòi: 6.235.357.553 đồng.*
 - * *Đã trích lập dự phòng: 5.858.901.051 đồng.*
 - * *Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 67.000.000 đồng*
 - + Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:
 - * Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2023 là: 74.355.936.541 đồng.
 - Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

* Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{55.660.678.880}{52.366.093.447} = 1,06$$

$$\begin{aligned} \text{Khả năng thanh toán nhanh} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ &= \frac{55.660.678.880 - 4.286.573.264}{52.366.093.447} = 0,98 \end{aligned}$$

* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{74.355.936.541}{261.220.850.764} = 28,46\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C)

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: năm 2023 đạt 20.036 triệu trang in đạt 75,61% kế hoạch, giảm 4,58% so với năm 2021 tương đương 962 triệu trang in và giảm 22,65% so với năm 2022 tương đương 5.868 triệu trang in.
2. Chỉ tiêu tài chính:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 là 170.860 triệu đồng đạt 97,52% kế hoạch, tăng 9,03% so với năm 2021 tương đương 14.155 triệu đồng, giảm 1,98% so với năm 2022 tương đương 3.458 triệu đồng.
 - Giá vốn hàng bán năm 2023 là 111.723 triệu đồng, tăng 7,29% so với năm 2021 tương đương 7.591 triệu đồng, tăng 1,56% so với năm 2022 tương đương 1.718 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng năm 2023 là 1.440 triệu đồng, tăng 51,58% so với năm 2021 tương đương 490 triệu đồng, tăng 22,76% so với năm 2022 tương đương 267 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 là 52.312 triệu đồng, tăng 9,62% so với năm 2021 tương đương 4.589 triệu đồng, giảm 8,51% so với năm 2022 tương đương 4.864 triệu đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 là 13.842 triệu đồng đạt 106,48% kế hoạch, giảm 6,40% so với năm 2021 tương đương 946 triệu đồng, tăng 12,49% so với năm 2022 tương đương 1.537 triệu đồng.
 - Thu nhập khác năm 2023 là 9.913 triệu đồng đạt 112,65% kế hoạch, tăng 25,47% so với năm 2021 tương đương 2.012 triệu đồng, tăng 0,09% so với năm 2022 tương đương 9 triệu đồng.
 - Chi phí khác năm 2023 là 3.561 triệu đồng, tăng 36,44% so với năm 2021 tương đương 951 triệu đồng, tăng 14,06% so với năm 2022 tương đương 439 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 25.579 triệu đồng, đạt 101,54% kế hoạch, tăng 6,68% so với năm 2021 tương đương 1.602 triệu đồng, tăng 2,11% so với năm 2022 tương đương 528 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 20.736 triệu đồng, đạt 102,91% kế hoạch, tăng 3,06% so với năm 2021 tương đương 616 triệu đồng, tăng 3,58% so với năm 2022 tương đương 716 triệu đồng.



3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).
- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 9,80%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 7,94%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 6,34%
4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2023:
- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
 - Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ)

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Châu Phúc

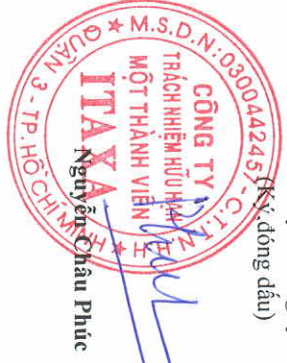
Handwritten signature

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XD CB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng				
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày		Giải ngân đến ngày 31/12/2023 (triệu đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A Các nhóm dự án A																			
B Các nhóm dự án B																			
C Các nhóm dự án khác																			
1	Đầu tư 01 hệ thống máy in offset tờ rời 2 mặt 4/4 màu đã qua sử dụng	QĐ:09/QĐ-HD/TV ngày 13/10/2022	8.630	8.630				05 tháng							1.980	4.620	6.600	6.000	

Chủ tịch Công ty
(Ký, đóng dấu)



Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2023

(Bản hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư				Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty liên kết	Doanh thu			Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn của Cty con, cty liên kết		
		Giá trị vốn góp	Tại thời điểm 31/12/2023	Tỷ lệ vốn góp (%)	Năm 2022			Tại thời điểm 31/12/2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023						
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17	17	
I	Đầu tư vào công ty con																	
	- Công ty CP Địa Sinh		22.785	22.785		72,09%	72,09%	27.400	31.605	64.139	51.743	2.574	3.266	1.823	8,00%		5,96	0,20
II	Đầu tư vào công ty liên kết																	
III	Đầu tư tài chính khác																	

Chủ tịch Công ty
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Năm 2021	Năm 2022	Kế hoạch năm
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	20.998	25.904	26.500	20.036	95,42%	77,35%	75,61%
2. Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	20.998	25.904	26.500	20.036	95,42%	77,35%	75,61%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chi tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.705	174.318	175.200	170.860	109,03%	98,02%	97,52%
2. Giá vốn bán hàng	104.132	110.005		111.723	107,29%	101,56%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.573	64.313		59.137	112,49%	91,95%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.788	12.305	13.000	13.842	93,60%	112,49%	106,48%
5. Chi phí tài chính	2					-100,00%	
6. Chi phí bán hàng	950	1.173		1.440	151,58%	122,76%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.723	57.176		52.312	109,62%	91,49%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.686	18.269		19.227	102,90%	105,24%	
9. Thu nhập khác	7.901	9.904	8.800	9.913	125,47%	100,09%	112,65%
10. Chi phí khác	2.610	3.122		3.561	136,44%	114,06%	
11. Lợi nhuận khác	5.291	6.782		6.352	120,05%	93,66%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.977	25.051	25.190	25.579	106,68%	102,11%	101,54%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.857	5.031		4.843	125,56%	96,26%	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.120	20.020	20.150	20.736	103,06%	103,58%	102,91%

Chịu trách nhiệm
 (Ký, đóng dấu)
 Công ty TNHH MTV ITAXA

Người lập biểu
 (Ký)

Kế toán trưởng
 (Ký)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu)
 Công ty TNHH MTV ITAXA



Nguyễn Châu Phúc

Trần Ngọc Thành

Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	1.853.366.221	21.202.693.372	20.996.677.110	2.059.382.483
- Thuế GTGT	447.862.397	8.516.960.861	8.673.096.516	291.726.742
- Thuế TNDN	1.066.144.493	4.842.966.948	4.325.642.986	1.583.468.455
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	19.380.870	19.380.870	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	339.359.331	7.823.384.693	7.978.556.738	184.187.286
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	(380.028.575)	937.422.208	500.000.000	57.393.633

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	6.006.006.881	6.220.850.764	6.006.006.881	6.220.850.764
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.954.081.575	13.236.920.000	5.128.598.000	22.062.403.575
3. Quỹ thưởng VCQLDN	348.149.939	352.896.243	275.890.000	425.156.182
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Ghi chú:

* Mục 1. Quỹ đầu tư phát triển giảm trong kỳ do ITAXA đã nộp số tiền 6.006.006.881 đồng là tiền chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 110/QĐ-TTX của Tổng Giám đốc TTXVN ngày 15/11/2023

* Mục 2. Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong kỳ là: 13.236.920.000đ, trong đó số tiền: 13.225.000.000đ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và số tiền: 11.920.000đ là tiền thưởng nhận cờ thi đua Ngành của Tổng Giám đốc TTXVN.

Chủ tịch Công ty
(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký)

Kế toán trưởng
(Ký)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Châu Phúc

Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA SINH
NĂM 2023

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu năm 2023 là 51.743 triệu đồng, giảm 19,33% so với năm 2022 tương đương 12.396 triệu đồng.
- Tổng chi phí năm 2023 là 47.659 triệu đồng, giảm 21,56% so với năm 2022 tương đương 13.103 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 4.084 triệu đồng, tăng 20,94% so với năm 2022 tương đương 707 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 3.266 triệu đồng, tăng 26,88% so với năm 2022 tương đương 692 triệu đồng.

2. Hiệu quả đầu tư vốn:

$$\begin{aligned} 2.1 \quad \text{Hệ số bảo toàn vốn} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của DN tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu của DN cuối kỳ trước liền kề}} \\ &= \frac{32.797.811.083}{32.797.811.083} = 1,00 \end{aligned}$$

Hệ số bảo toàn vốn = 1: Công ty Cổ phần Địa Sinh bảo toàn vốn.

$$\begin{aligned} 2.2 \quad \text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu} &= 100\% \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu}} \\ &= 100\% \times \frac{3.266.204.613}{31.604.564.975} = 10,33\% \end{aligned}$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu là: 10,33%, chỉ tiêu này đánh giá đầu tư 1 đồng vốn tạo ra được 0,1033 đồng lợi nhuận sau thuế.

3. Tình hình tài chính:

3.1 Khả năng thanh toán
nợ đến hạn = $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$

= $\frac{42.279.593.729}{7.089.213.019}$ = 5,96

3.2 Hệ số nợ phải trả trên
nguồn vốn chủ sở hữu = $\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$

= $\frac{7.089.213.019}{36.064.015.696}$ = 0,20

TP.HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Đại diện chủ sở hữu

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Châu Phúc

Handwritten mark